CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Cà phê Gia Lai

Ngày 28/06/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q2/24
0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13| 661%
YoY: ▲ 0.11| 281%

LN thuần
Q2/24
-2.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.13| -4.8%
YoY: ▲ 0.47| 14.1%

LN sau thuế
Q2/24
-2.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.48| -20.1%
YoY: ▲ 0.74| 20.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-744%
YoY: +/-▲ 2546%

ROE (TTM)
Q2/24
-22.2%
YoY: +/-▼ 3.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
Số lượng CPLH (CP)	14,676,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	-767
P/E	-14.3

DT thuần
6T 2024
0.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10| 162%

LN thuần
6T 2024
-5.59
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.81| 12.6%

LN sau thuế
6T 2024
-5.26
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.12| 17.6%

Cơ cấu sở hữu

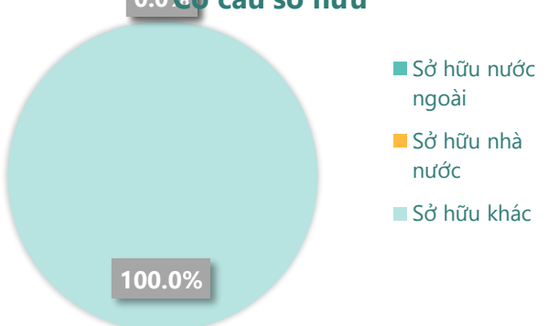

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

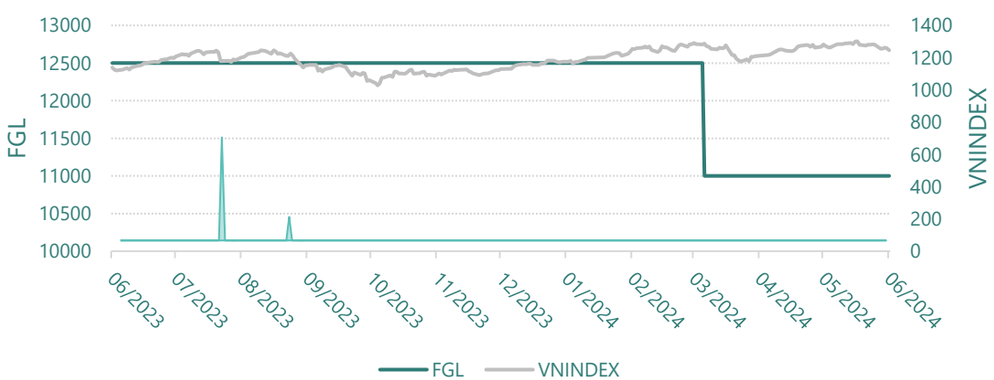

Cơ cấu cổ đông

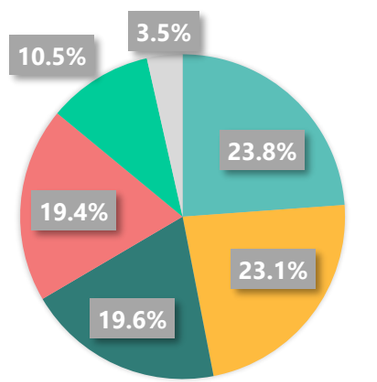

- CTCP Đầu tư Legend HighLand
- CTCP Năng lượng Nghĩa Hưng
- Lê Thị Thu Vân
- Trịnh Quang Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Quang Vinh (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

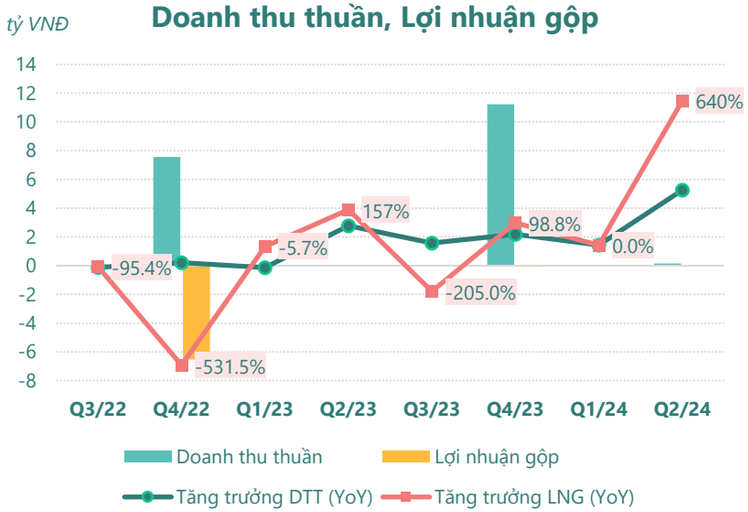

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

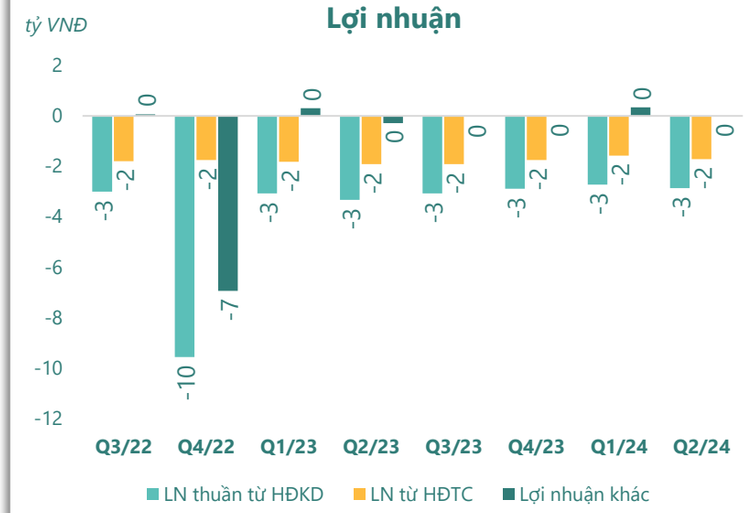

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

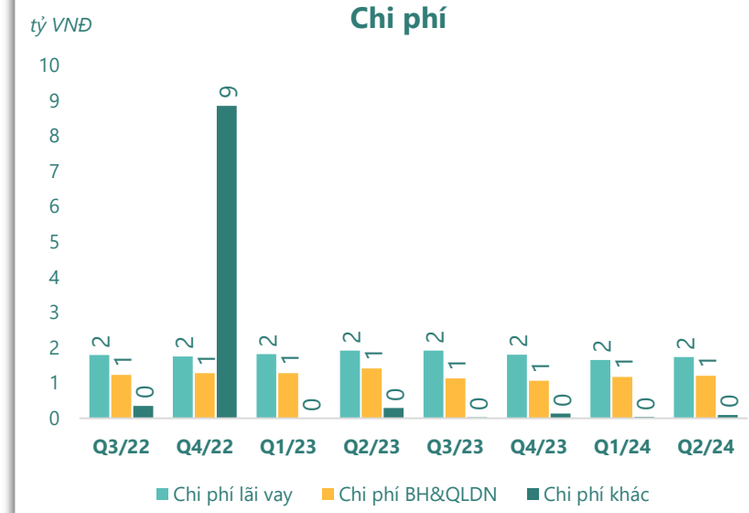

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

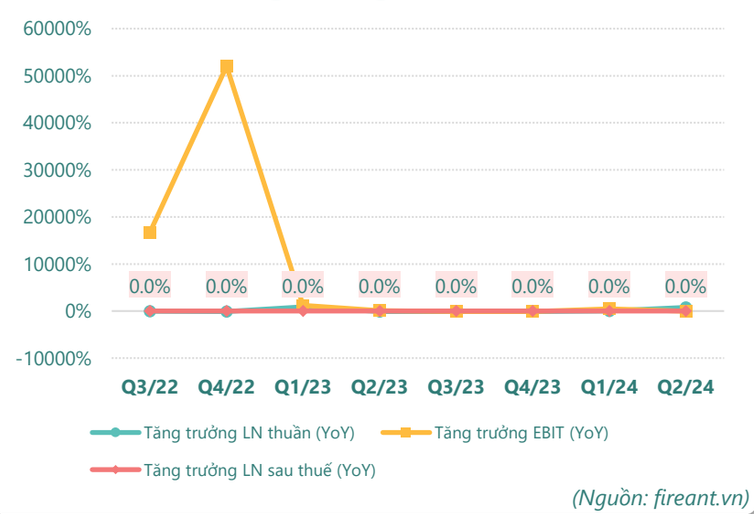

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

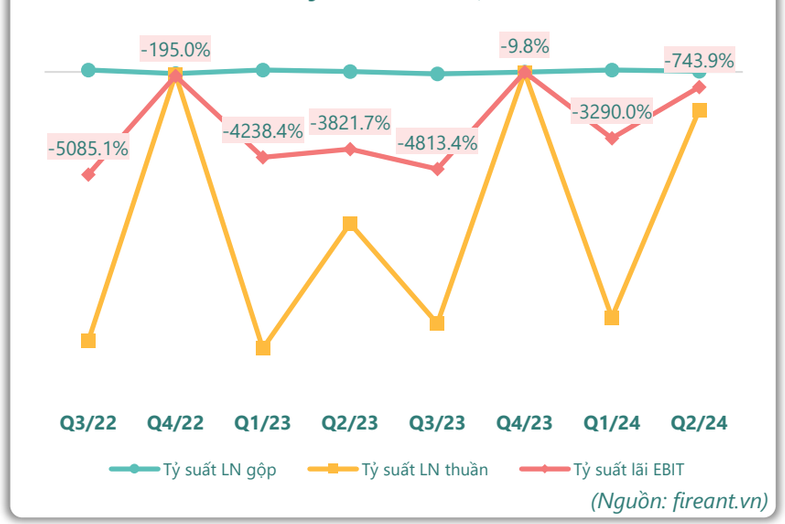

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

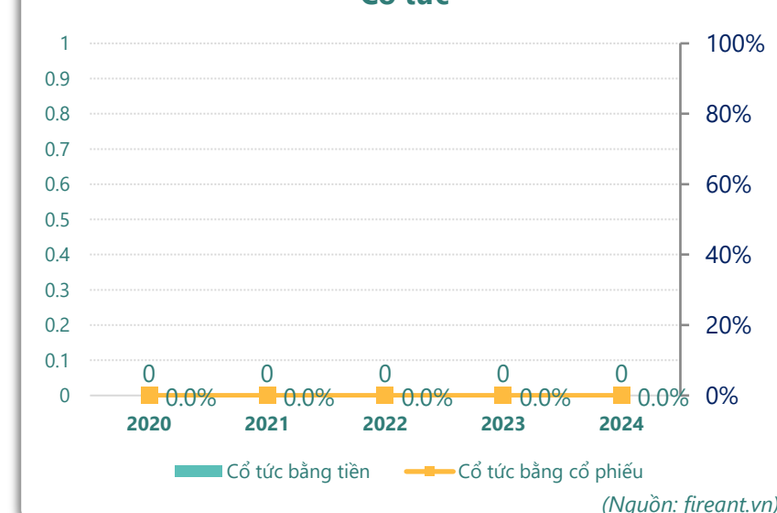

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

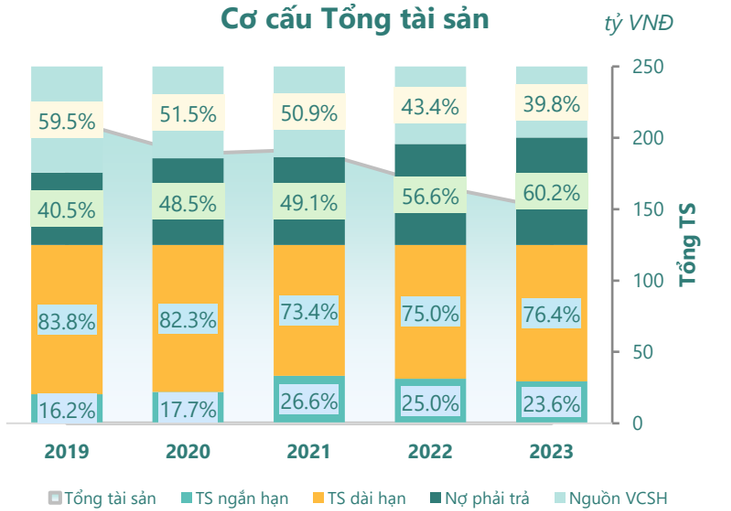

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

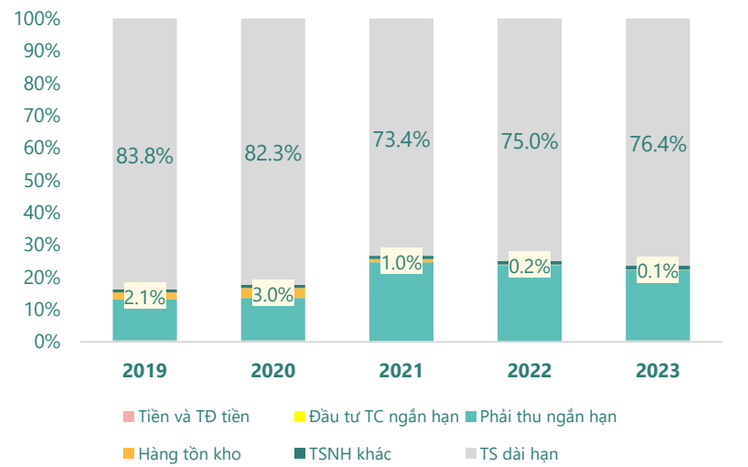

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

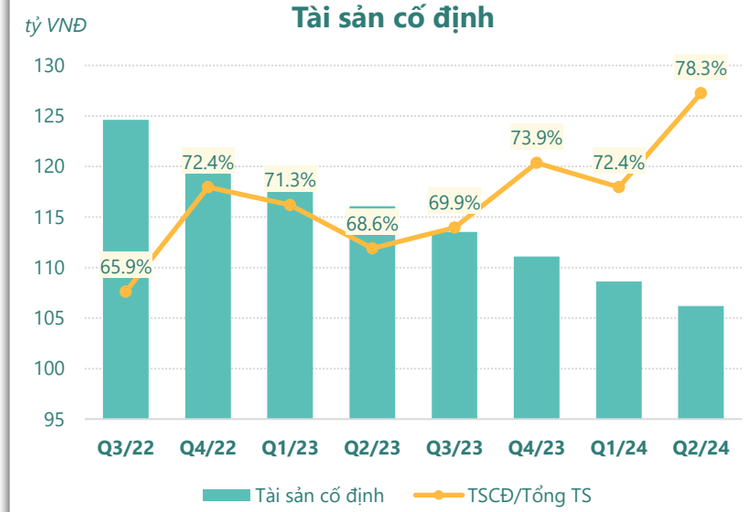

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

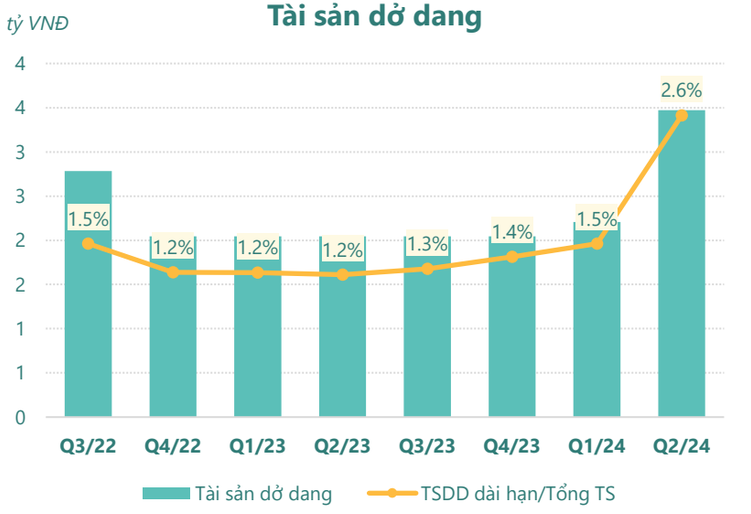

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

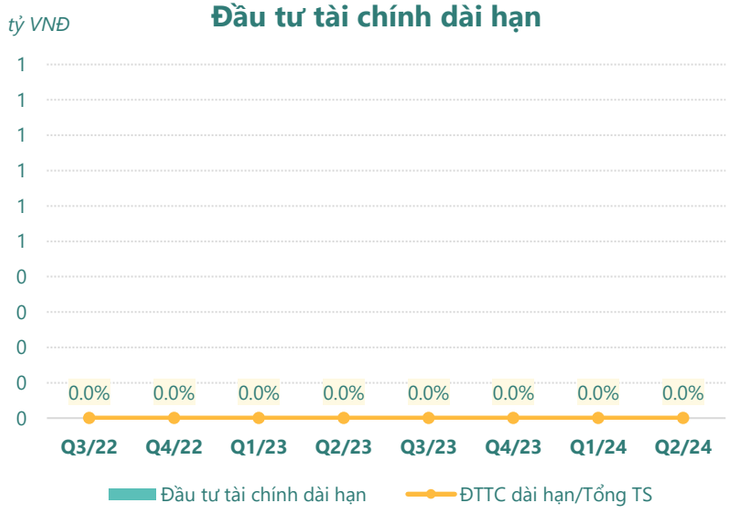

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

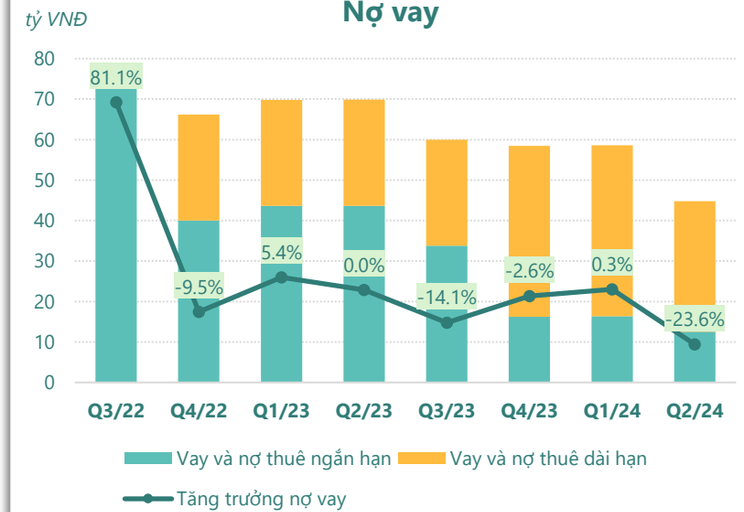

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

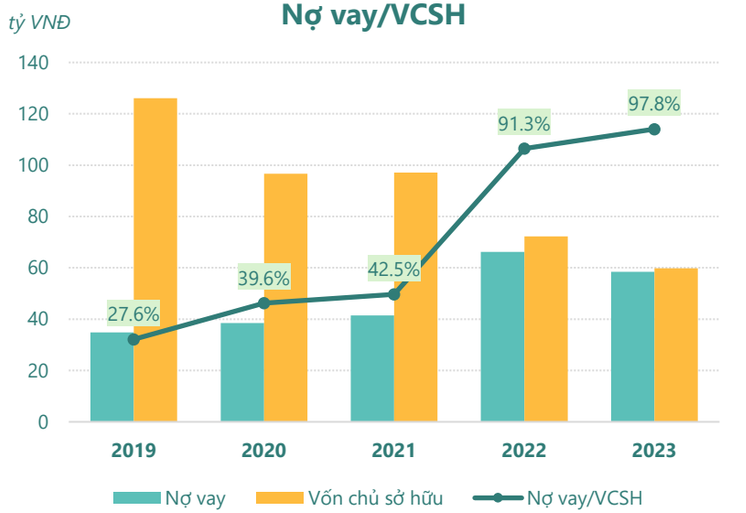

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

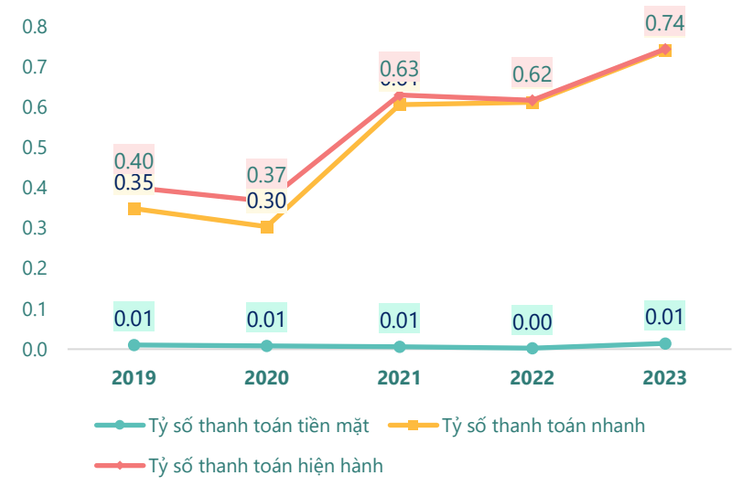

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

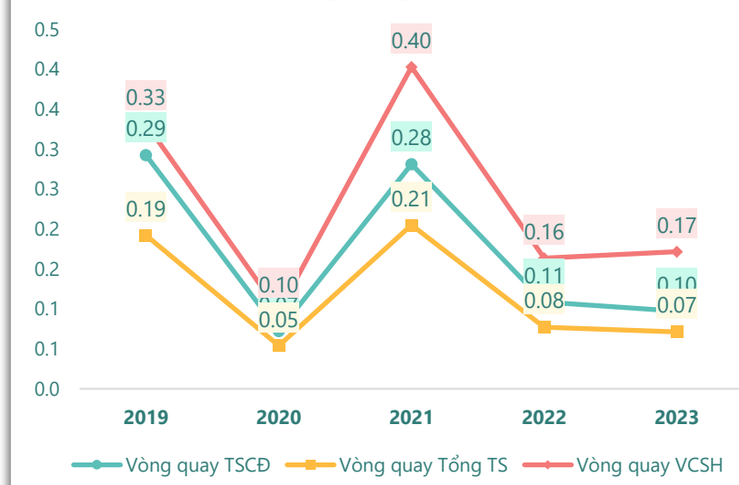

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

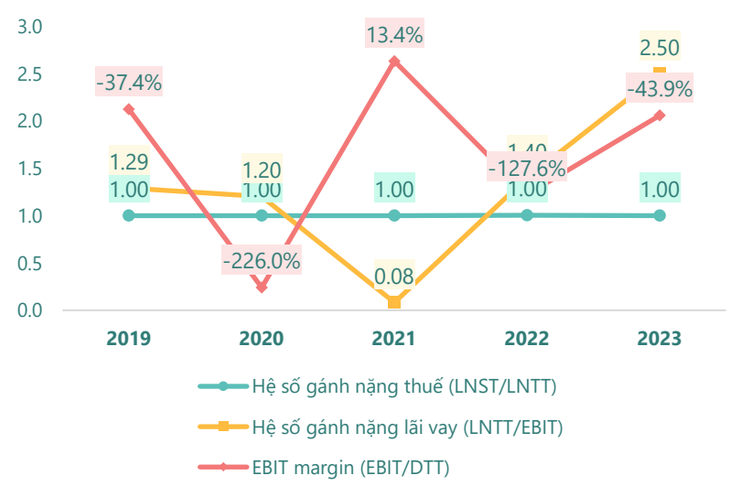

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

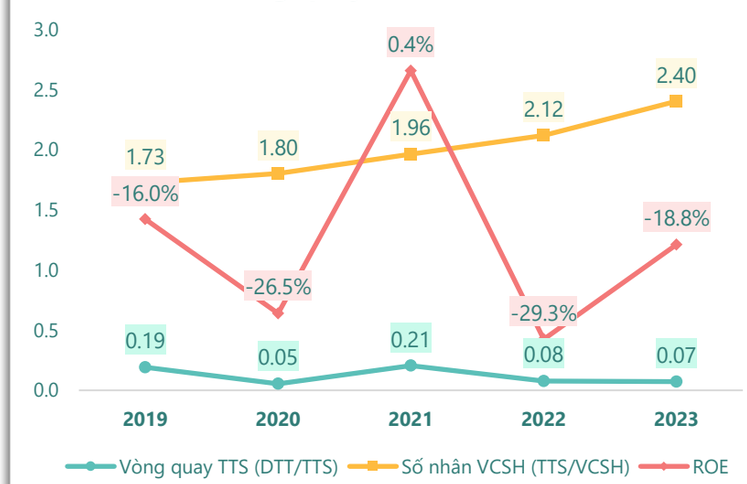

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

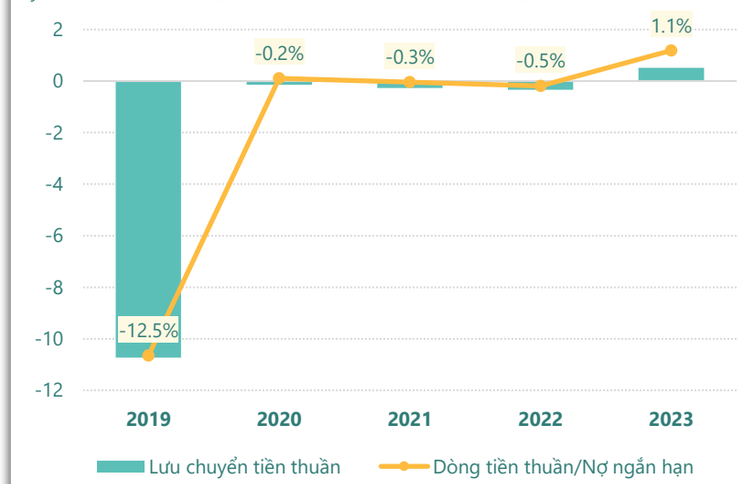

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.15**	**0.04**	**281%**	**0.17**	**0.07**	**162%**
Giá vốn hàng bán	0.10	0.04	141%	0.10	0.04	163%
Lợi nhuận gộp	0.06	0.01	460%	0.08	0.03	161%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.10	0.00	2847%
Chi phí TC	1.74	1.92	-9.5%	3.39	3.74	-9.5%
Chi phí lãi vay	1.74	1.92	-9.5%	3.39	3.74	-9.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.00	0	
Chi phí QLDN	**1.20**	**1.42**	**-15.2%**	**2.38**	**2.70**	**-11.7%**
LN thuần từ HĐKD	-2.86	-3.33	14.1%	-5.59	-6.40	12.6%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.28**	**97.0%**	**0.34**	**0.02**	**1569%**
LN trước thuế	-2.87	-3.61	20.5%	-5.26	-6.38	17.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.87**	**-3.61**	**20.5%**	**-5.26**	**-6.38**	**17.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.87**	**-3.61**	**20.5%**	**-5.26**	**-6.38**	**17.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.32	-5.74	6.90	2.45	4.29	5.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0	0	-0.06	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.30	5.93	-6.83	-2.23	-4.83	-5.51
Tiền đầu kỳ	0.17	0.19	0.38	0.46	0.68	0.07
Lưu chuyển tiền thuần	**0.02**	**0.19**	**0.07**	**0.22**	**-0.61**	**-0.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	0.19	0.38	0.46	0.68	0.07	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**136**	**150**	**-9.7%**
Tài sản ngắn hạn	24.6	35.4	-30.6%
Tiền và tương đương tiền	0.03	0.68	-95.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.3	32.7	-56.3%
Hàng tồn kho	8.43	0.18	4634%
Tài sản ngắn hạn khác	1.84	1.85	-0.4%
Tài sản dài hạn	**111**	**115**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	106	111	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.47	2.14	62.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.43**	**1.59**	**-9.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	100	90.4	10.8%
Nợ ngắn hạn	**67.4**	**47.6**	**41.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.6	16.2	-22.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.36	0.08	332%
Nợ dài hạn	32.8	42.8	-23.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.3	42.3	-23.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**35.5**	**59.8**	**-40.5%**
Vốn chủ sở hữu	**35.5**	**59.8**	**-40.5%**
Vốn điều lệ	147	147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.00**	**0.00**	**26.3%**

(Nguồn: fireant.vn)